TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH PHÚ THỌ** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày 27-12-2021
"V/v Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Chính.
2. Bà Lê Thùy Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hà Thị T Mai– Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST- DS ngày 05/10/2020 về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-DS ngày 10/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh T – sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khu TT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X – sinh năm 1975.
Địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn TC, xã CP, huyện M, thành phố Hà Nội. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2, Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1967
Địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

3, Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn L2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

4, Bà Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

5, Bà Nguyễn Thị Thu H1 – sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

6, Bà Phạm Thị H2 – sinh năm 1979 (Vợ của ông X).
Địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ánh T trình bày: Bố, mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Văn G (chết năm 1987) và Hoàng Thị P (chết năm 2007) sinh được 07 người con gồm:

1, Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn TC, xã CP, huyện M, thành phố Hà Nội.

2, Ông Nguyễn Văn K – sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

3, Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn L2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

4, Bà Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

5, Ông Nguyễn Văn X – sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

6, Bà Nguyễn Thị Thu H1 – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

7, Bà Nguyễn Ánh T – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu TT, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Cụ G, cụ P không có bố mẹ nuôi hay con nuôi, con riêng.

Di sản hai cụ để lại có diện tích đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ tại khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Trên đất có 01 nhà cấp IV, bếp, chuồng trại do ông G bà P xây dựng. Ông G bà P chết đi không để lại di chúc, toàn bộ tài sản này ông Nguyễn Văn X là anh trai bà T cùng vợ ông X trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông X đã làm thay đổi hiện trạng nhà và đất cụ thể cụ thể ông X đã đập bỏ phần bếp cũ và sân để xây dựng căn nhà mới. Đến nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ chia thừa kế phần di sản của ông G bà P là diện tích đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ tại khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H2 (vợ ông X) trình bày: Bố mẹ đẻ ông X chết đi để lại diện tích đất 2060m2 tại thửa số 323, tờ bản đồ số 20 có địa chỉ hiện nay tại khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P là đúng. Nhưng trước khi chết bà Hoàng Thị P đã để lại 01 giấy chuyển nhượng thừa kế đất ở và đất vườn ngày 20/2/2007. Sau này ông X đã đập bỏ sân cùng nhà bếp để xây dựng căn nhà mới. Theo ông X toàn bộ tài sản gồm đất và nhà cửa và cây cối hoa màu trước khi bà P chết đã viết giấy chuyển nhượng cho ông X nên việc bà T yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2021 bà Nguyễn Ánh T, ông Nguyễn Văn X và người liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H1 thống nhất thỏa thuận: nội dung chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P để lại là diện tích đất đất 2060m^2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú

Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Không đề nghị xem xét Giấy chuyển nhượng thừa kế đất ở, đất vườn của cụ Hoàng Thị P lập ngày 20/02/2007. Không xem xét đến các tài sản trên đất cũng như công sức bảo tồn quản lý di sản của ông Nguyễn Văn X tôn tạo thửa đất trên. Đối với phần diện tích đất thiếu hụt so với GCNQSD đất là 317,6m^2 các bên không đề nghị làm rõ và đề nghị chia theo thực trạng là 1742,4m^2 cụ thể thống nhất chia như sau: Bà T là người được sử dụng diện tích đất 150m^2(50m^2 đất ở va 100m^2 đất vườn). Bà H1 là người được sử dụng diện tích đất 150m^2(50m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn), ông X là người được sử dụng diện tích đất 1442,4m$^{2.}$ (1242,4m2 đất vườn, 200m2 đất ở) không ai phải thanh toán chênh lệch cho nhau. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản các bên liên quan tự giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích đất đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Ông không nhận phần di sản của mình mà đề nghị chia phần của ông đều cho 06 anh chị em còn lại. Không ai phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông. Ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị S đều trình bày: Đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích đất đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P và đề nghị chia theo diện tích hiện trạng như biên bản thẩm định và biên bản định giá và nội dung nhất trí với biên bản thỏa thuận của bà T ông X bà Hằng ngày 27/10/2021. Bà Sơn, bà Thạch và bà Hoàn đều đề nghị phần di sản thừa kế các bà được hưởng các bà cho ông X được hưởng phần của các bà, ông X không phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho các bà và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Xác minh tại chính quyền địa P, UBND xã V cho biết: ông Nguyễn Văn G và bà Hoàng Thị P có 07 người con là bà S, ông K, bà H, bà T1, ông X bà H1, bà T ngoài ra không có bố mẹ nuôi hay con nuôi nào. Đối với diện tích đất 2060m2 thuộc thửa 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V ngoài tranh chấp về thừa kế giữa ông X và bà T thì không có tranh chấp nào khác, hiện ông X đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá tài sản định giá xác định: Thửa đất số 323, tờ bản đồ số 20 có địa chỉ hiện nay tại khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã được cấp GCNQSD đất đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Qua kiểm thực tế diện tích đất trên hiện còn 1742,4m2 trị giá 2.532.720.000đ (7.000.000đ/1m2 đất ở x 300m2 = 2.100.000.000đ; 300.000đ/1m2 đất vườn x 1442,4m2 = 432.720.000đ), nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất đề nghị phân chia diện tích đất theo hiện trạng, diện tích đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đề nghị Tòa xem xét.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm và xác định: Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đ trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án dân sự "*Tranh chấp về di sản thừa kế theo pháp luật*" là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đề nghị: Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623; Điều 649, khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự.

Điều 166; Điều 167; Điều 179; Điều 195 của Luật đất đai;

Xử công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Bà T là người được sử dụng diện tích đất 150m^2 (50m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn). Bà H1 là người được sử dụng diện tích đất 150m^2 (50m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn), Ông X là người được sử dụng diện tích đất 1442,4m$^{2.}$ Không ai phải thanh toán chênh lệch cho nhau. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các bên liên quan tự giải quyết

Về án phí: Các bên phải chịu án phí tương ứng với phần được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn X, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị H2, bà Nguyễn Thị Thu H1. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ G chết năm 1987, cụ P chết năm 2007 không để lại di chúc. Theo yêu cầu của đương sự thì đối tượng tranh chấp trong vụ án này là bất động sản. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự thì việc bà Nguyễn Ánh T khởi kiện là đúng thời hiệu.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Ánh T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G chết năm 1987, cụ P chết năm 2007 là diện tích đất đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P cho 07 người con của hai cụ. Do vậy, vụ án được xác định là "*Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật* ". Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[4] Về nguồn gốc và quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản mà cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P để lại:

Tài sản mà cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P để lại là diện tích đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Qua kiểm thực tế diện tích đất trên hiện còn 1742,4m2 và đã được Hội đồng định giá tài sản định giá 1742,4m2 đất trị giá

2.532.720.000đ (7.000.000đ/1m2 đất ở x 300m2 = 2.100.000.000đ; 300.000đ/1m2 đất vườn x 1442,4m2 = 432.720.000đ.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án thì nguồn gốc thửa đất đã có từ lâu đời. Khi còn sống thì vợ chồng cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P đều ở và sinh sống trên thửa đất này mà không có bất kỳ tranh chấp nào. Năm 1987 cụ G chết không để lại di chúc, sau khi cụ G chết những người trong hàng thừa kế không ai có yêu cầu chia thừa kế phần di sản cụ G chết để lại. Toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất này cụ P quản lý, sử dụng và cũng không có tranh chấp nên ngày 13/7/1999 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Hoàng Thị P. Kể từ khi cụ P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến trước khi cụ P chết cũng không có bất kỳ tranh chấp và khiếu nại nào liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Như vậy, ngoài việc được Nhà nước công nhận thì những người trong hàng thừa kế cũng đã mặc nhiên thừa nhận quyền sử dụng hợp pháp của cụ P đối với khối tài sản này. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất đất 2060m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P là tài sản hợp pháp của vợ chồng cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P. Căn cứ vào Điều 634 của Bộ luật dân sự thì sau khi cụ G và cụ P chết quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất này được xác định là di sản của cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P để lại cho những người thừa kế.

[5] Xét về nội dung tranh chấp, yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nội dung chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn G và cụ Hoàng Thị P để lại là diện tích đất thực tế còn 1742,4m2 tại thửa số 323 tờ bản đồ số 20 địa chỉ: Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P.Trên đất không còn tài sản gì có giá trị nên Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị xem xét giải quyết. Toàn bộ khối tài sản trên sau khi cụ P chết, ông X là người trực tiếp quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng ông X có công sức tôn tạo thửa đất nhưng ông X không đề nghị Tòa án giải quyết về việc công sức tôn tạo thửa đất trên. Qua kiểm tra hiện trạng, thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/3/2021 thửa đất trên còn diện tích là 1742,4m^2, diện tích đất này ít hơn so với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ít hơn 317,6m^2) nhưng các bên đương sự không đề nghị làm rõ mà đề nghị chia di sản thừa kế theo hiện trạng là diện tích đất 1742,4m^2. Các bên đương sự thống nhất chia như sau: Bà T là người được sử dụng diện tích đất 150m^2(50m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 1,2,6,7,1. Bà H1 là người được sử dụng diện tích đất 150m^2(50m^2 đất ở va 100m^2 đất vườn) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 2,3,5,6,2. Ông X là người được sử dụng diện tích đất 1442,4m^2(200m^2 đất ở và 1442,4m^2 đất vườn) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,4,3,2,1,7. Không ai phải thanh toán chênh lệch cho nhau. Việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyên và

không trái với đạo đức xã hội, không trái với pháp luật do đó cần công nhận thỏa thuận này.

Các bên đương sự đều không đề nghị xem xét Giấy chuyển nhượng thừa kế đất ở, đất vườn của cụ Hoàng Thị P lập ngày 20/02/2007 khi chia thừa kế do các bên đã thỏa thuận được với nhau. Giấy chuyển nhượng trên hiện ông X là người giữ bản gốc, ông X không giao nộp cho Tòa án vì các bên đã thống nhất được việc chia thừa kế như trên.

Các bên đương sự đều không đề nghị xem xét toàn bộ khối tài sản trên diện tích đất 1742,4m^2 trong đó có phần diện tích đất giao cho bà T, bà Hằng, ông X. Các tài sản trên đất các bên đương sự tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức bảo quản và tôn tạo di sản thừa kế: Ông X và bà Hạnh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí định giá tài sản: Do bà Nguyễn Ánh T không yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả cho bà số tiền chi phí định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ánh T, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Thu H1 là những người trực tiếp được hưởng di sản thừa kế phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 2, khoản 3 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 166; Điều 167; Điều 179; Điều 195 Luật đất đai.

- Căn cứ điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xác nhận thửa đất số 323, tờ bản đồ số 20, diện tích 1742,4m^2 (300m2 đất ở nông thôn, 1442,4m2 đất vườn) trị giá 2.532.720.000đ (Hai tỷ năm trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) địa chỉ Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1999 đứng tên hộ bà Hoàng Thị P là di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị P và cụ Nguyễn Văn G chết để lại cho những người thừa kế.

2. Những người được hưởng di sản thừa kế tài sản của cụ Hoàng Thị P và cụ Nguyễn Văn G gồm: Bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Thu H1, bà Nguyễn Ánh T.

3. Xử công nhận sự thỏa thuận chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với: thửa đất số 323, tờ bản đồ số 20, diện tích 1742,4m^2 (300m2 đất ở nông thôn, 1442,4m2 đất vườn) trị giá 2.532.720.000đ (Hai tỷ năm trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) địa chỉ Khu V3, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ như sau:

- Ông Nguyễn Văn X được quyền sử dụng diện tích đất 1442,4m^2(200m^2 đất ở và 1242,4m^2 đất vườn) trị giá 1.767.320.000đ (Một tỷ bảy trăm sáu mươi

bẩy nghìn ba trăm hai mươi nghìn đồng) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 7- điểm 8= 4.86m, điểm 8- điểm 9= 19.19m, điểm 9-điểm 10= 10.36m, điểm 10- điểm 11= 6.94m, điểm 11-điểm 12= 4.92m, điểm 12- điểm 13= 7.43m, điểm 13-điểm 14= 2.77m, điểm 14-điểm 15=3.22m, điểm 15-điểm 16= 5.96m, điểm 16-điểm 17= 2.56m, điểm 17-điểm 18= 9.32m, điểm 18-điểm 19= 9.93m, điểm 19- điểm 20= 8.67m, điểm 20- điểm 21= 10m, điểm 21- điểm 22=27m, điểm 22- điểm 23= 0.82m, điểm 23- điểm 4= 13m, điểm 4- điểm 3= 16.01m, điểm 3- điểm 2= 5m, điểm 2- điểm 1= 5m, điểm 1- điểm 7= 30m (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Ánh T được quyền sử dụng diện tích đất 150m2 (gồm 50m2 đất ở, 100m2 đất vườn) trị giá 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 6- điểm 7= 5m, điểm 7- điểm 1= 30m, điểm 1- điểm 2= 5m, điểm 2- điểm 6= 30m (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị Thu H1 được quyền sử dụng diện tích đất 150m2 (gồm 50m2 đất ở, 100m2 đất vườn) trị giá 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu đồng) có mốc giới theo sơ đồ từ điểm 5- điểm 6= 5m, điểm 6- điểm 2= 30m, điểm 2- điểm 3= 5m, điểm 3- điểm 4= 16,01m, điểm 4- điểm 5= 13,91m (có sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn X phải nộp 32.509.800đ (Ba mươi hai triệu năm trăm linh chín nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ánh T phải nộp 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng bà T được trừ đi số tiền 300.000đ là số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số: AA/2020/0001903 ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, bà T còn phải nộp số tiền án phí là 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn